

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

TT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục
	1. Phát triển thể chất	
	a) Phát triển vận động	
1	3	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.
2	4	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.
3	5	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp
4	3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m).
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
6	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2 m, rộng 0,3 m) một đầu kê cao 0,3 m
7		Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục
8	3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi kiễng gót liên tục 3m.
9	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.

MẪU GIÁO GHÉP 3+ 4+ 5 TUỔI

Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện	Ghi chú
Riêng	Chung		
- Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. - Bắt chéo 2 tay trước ngực. - Cúi về phía trước. - Bước lên phía trước, bước sang ngang; - Co duỗi chân	* 3+4+5 tuổi: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. * 3+4 tuổi: - Co và duỗi tay - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. - Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ	1->9	
- Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. - Nhún chân. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.			
- Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). - Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. - Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.			
+ Đi trong đường hẹp.			
- Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.		3, 5	
- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.		3	
- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát		5	
- Đi kiễng gót	* 4+5 tuổi: - Đi khụy gối		
- Đi bằng gót chân, đi lùi			

10	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối, đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đứng 1 chân và giữ thăng bằng người trong khoảng 10 giây.
11	3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Chạy liên tục trong đường đích dắc(3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài
12	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4- 5 vật chuẩn đặt đích dắc)
13	5	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Đi / chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
14	3	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Biết tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần không rơi bóng(khoảng cách 2,5m)
15	4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)
16	5	Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động: Biết bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m)
17	3	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tự đập- bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
18	4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tự đập- bắt bóng được 4- 5 lần liên tiếp
19	5	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.
20	3	Trẻ Biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tổng hợp: - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m)
21	4	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tổng hợp: - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m) - Ném trúng đích ngang (xa 2 m)
22	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tổng hợp: - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m) - Ném trúng đích ngang (xa 2,5 m)
23	3	Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Trẻ có thể chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.
24	4	Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.
25	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây.

- Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây		1, 2	
- chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc	* 3+4+5 tuổi: - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	8	
- Đi, chạy thay đổi dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.			
- Đi, chạy thay đổi hướng dích dắc theo hiệu lệnh			
- Lăn, tung bắt bóng với cô - Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc	* 4+5 tuổi: - Tung bóng lên cao và bắt - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân	1, 3, 9	
- Tung bắt bóng với người đối diện			
- Tung bắt bóng tại chỗ			
- Đập bắt bóng với cô	* 4+5 tuổi: - Đập và bắt bóng tại chỗ	5	
+ Đi và đập bắt bóng.			
	* 3+4+5 tuổi: - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném xa bằng 1 tay * 4+5 tuổi: - Ném xa bằng 2 tay	4, 6, 7, 8	
- Ném trúng đích bằng 2 tay			
- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng		6, 9	
- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60- 80 m			
- Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120m			

26	3	Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Biết bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.
27	4	Trẻ biết thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Biết bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.
28	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Biết bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.
29	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động bật- nhảy
30	4	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động bật- nhảy không giẫm vào vạch và làm đổ vật cản
31	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động bật- nhảy không giẫm vào vạch và làm đổ vật cản
32		Trẻ thực hiện được vận động nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục đổi chân theo yêu cầu
33	3	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: + Biết xoay tròn cổ tay + Biết gập, đan ngón tay vào nhau
34	4	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: + Biết cuộn- xoay tròn cổ tay + Biết gập, mở các ngón tay
35	5	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: + Biết uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay + Gập, mở lần lượt từng ngón tay

- Bò theo hướng thẳng, đích dắc - Trườn về phía trước - Bước lên xuống bậc cao (cao 30 cm)	* 3+4 tuổi: - Bò chui qua cổng - Trườn theo hướng thẳng * 4+5 tuổi: - Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-5 m) - Bò đích dắc qua (5 -7 điểm) - Trèo lên xuống (5-7 giống thang) - Bò chui qua ống dài 1,2-1,5m x 0,6m	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8	
- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm			
- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm			
- Bật tại chỗ - Bật về phía trước	*3+4+5 tuổi: - Bật xa (20-50cm) * 4+5 tuổi: - Bật nhảy từ trên cao xuống(cao 30-45cm) - Bật tách, khép chân qua (5-7 ô) - Bật qua vật cản cao (10-20cm) - Nhảy lò cò (3-5m)	2, 3, 4, 5, 6, 9	
- Bật liên tục về phía trước		2, 3, 4, 5, 6	
- Bật liên tục vào vòng		9	
- Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Gập, đan các ngón tay vào nhau - Đan, tết		4	
- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập, mở các ngón tay - Gập giấy			
- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Gập, mở lần lượt từng ngón tay - Bẻ, nắm			

36	3	Trẻ biết khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: - Biết vẽ được hình tròn theo mẫu - Trẻ biết khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: Biết cắt thẳng được một đoạn 10 cm.
37	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: - Biết vẽ hình người, nhà, cây. - Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: Biết cắt thành thạo theo đường thẳng
38	5	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Biết cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu
39	3	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: Biết xếp chồng 8-10 khối gỗ không đổ.
40	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: Biết xây dựng, lắp ráp với 10- 12 khối.
41	5	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Biết xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.
42	3	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: Biết tự cài, cởi cúc
43	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: - Biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày - Biết tết sợi đôi
44	5	Trẻ biết phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Biết tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
45	3	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
46	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Biết thịt, cá... có nhiều chất đạm - Trẻ biết rau, quả chín có nhiều vitamin
47	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Biết thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
48	3	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...
49	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
50	5	Trẻ nói tên được một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

- Tô, vẽ nguệch ngoạc - Xé dán giấy - Sử dụng kéo, bút		5	
- Tô, vẽ hình - Xé, cắt đường thẳng			
- Tô, đồ theo nét. - Xé, cắt đường vòng cung. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu			
- Xếp chồng các hình khối khác nhau		7	
- Lắp ghép hình			
- Lắp ráp.			
	* 3-4-5 tuổi: + Cài, cởi cúc	2	
- Xâu, buộc dây - Tắt sọt đôi			
- Kéo khóa (phéch mớ tuya), xâu, luồn, buộc dây.			
- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc		4	
- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm: Rau, quả chín cung cấp vitamin			
- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...			
- Nhận biết một số món ăn quen thuộc hằng ngày		5	
- Nhận biết một số dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn			
- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.			

51	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
52	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.
53	5	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
54	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Biết rửa tay, lau mặt, súc miệng - Biết tháo tất, cởi quần, áo... - Biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.. - Trẻ biết sử dụng bát thìa cốc đúng cách
55	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn
56	5	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần áo, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội / giặt nước cho sạch. - Trẻ biết sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.
57	3	Trẻ biết một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: - Biết mời cô mời bạn khi ăn... - Biết uống nước đã đun sôi, ăn nhiều loại thức ăn....
58	4	Trẻ biết một số hành vi tốt trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn ; ăn từ tốn, nhai kỹ - Biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Biết không uống nước lã
59	5	Trẻ biết có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn. - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
60	3	Biết có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.
61	4	Biết có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.
62	5	Biết có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.

	* 3+4+5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và chất - <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm, các loại thực phẩm tránh ôi thiu...</i>	6	
	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)		
- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	* 3+4+5 tuổi: - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn (và để vào nơi quy định) - <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (quần áo, giấy dép, bánh xà phòng, khăn mặt...</i> * KN tự phục vụ: Chải đầu, buộc tóc, rửa tay đi vệ sinh...	2	
- Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Ăn uống gọn gàng	* 3+4 tuổi: - Sử dụng bát, thìa đúng cách - <i>Trẻ giúp cô kê bàn ăn, tự cất bát thìa sau khi ăn</i> - <i>KN tự phục vụ: Kê bàn, không làm rơi vãi thức ăn, lấy ghế...</i>		
- Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.			
- Không kén chọn thức ăn - Uống nước đun sôi	* 3+4+5 tuổi: - Mời cô, mời bạn trước khi ăn	1	
- Ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã			
- Ăn từ tốn - Không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.			
- Nhận biết trang phục theo thời tiết	* 3+4+5 tuổi: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - <i>Tự chuẩn bị, lựa chọn đồ dùng cá nhân để đến trường: ba lô, quần áo, giày dép...</i> - <i>KN tự phục vụ: Tự lựa chọn và sử dụng trang phục, giày dép, mũ) phù hợp với thời tiết</i>	8	
- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.			
- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.			

63	3	Trẻ biết một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu
64	4	Trẻ biết một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định
65	5	Trẻ biết có một số hành vi và thói quen tốt trong phòng bệnh: - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.
66	3	Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.
67	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.
68	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.
69	3	- Biết tránh những nơi nguy hiểm (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi, không lại gần những nơi mưa lũ, gió bão, sạt lở ,...) khi được nhắc nhở. - <i>Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp với thiên tai: Mưa bão, ở trong nhà, làm theo lời người lớn...</i> - Biết gọi người khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, nổ, chập điện, có người rơi xuống nước ngã, chảy máu...
70	4	- Biết nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước không lại gần những nơi mưa lũ, gió bão, sạt lở ,.....là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. - <i>Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp trước, trong và sau thiên tai: ...</i> - Biết gọi người khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, nổ, chập điện, có người rơi xuống nước ngã, chảy máu...

- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm	* 3+4+5 tuổi: - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, xử lý khi bị thương nhẹ... *4+5 tuổi: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định	3	
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản về đường hô hấp, đậu mùa, covid-19, cúm A...			
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh bệnh về đường hô hấp, đậu mùa, covid-19, cúm A... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Bảo vệ chăm sóc sức khỏe bản thân. Chăm sóc mắt, mũi, tai, miệng.			
	* 3+4+5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - KN sử dụng đồ dùng an toàn: KN nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm	3	
	* 3+4+5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng. - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng như: Khe, suối, bể nước, nơi có nguy cơ sạt lở...khu vực an toàn của trường/nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Cháy, nổ, chập điện, đuối nước..... - Nhận biết về nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số vật dụng có thể gây cháy nổ: Bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm... - Ứng phó và phòng tránh khi có đám cháy/ gặp nạn: Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/ hô to gọi người lớn cứu hoặc bỏ nhanh ra khỏi chỗ đám cháy. - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây	8	

71	5	- Biết những nơi như: Ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, không lại gần những nơi mưa lũ, gió bão, sạt lở ,... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. - Biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp cấp: Cháy, nổ, chập điện, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu....
72	3	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không tự lấy thuốc uống...
73	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...không uống rượu, bia, cà phê; khi không được phép của người lớn. - Biết không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.
74	5	Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê hút thuốc lá là không tốt cho sức khỏe. - Biết không tự ý uống thuốc.
75	3	Biết được một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Biết không leo trèo bàn ghế, lan can - Biết không nghịch các vật sắc nhọn
76	4	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Biết không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
77	5	Biết tránh một số trường hợp không an toàn: - Biết ra khỏi khu vực trường lớp khi không được phép của cô giáo. - Biết một số quy định ở trường sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Biết không leo trèo cây, ban công, tường rào.... - Biết đi bộ trên vỉa hè; sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà khi không được phép của người lớn. - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi lạc biết hỏi gọi người lớn giúp đỡ.
Điều chỉnh và bổ xung		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
a) Khám phá khoa học		

	cháy, nổ: Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm... - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở. - KN bảo vệ sức khỏe, an toàn: - Nhận biết các tình huống và phòng tránh những nơi nguy hiểm không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng như: ao, hồ, sông suối, sạt lở đất, lũ quét, cống, rãnh, trèo thàna lên nhà sàn		
- Không tự ý lấy thuốc uống	* 3+4+5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: KN nhận biết thực phẩm ôi thiu, các chất kích thích, không tự ý uống thuốc. * 4+5 tuổi: - Không tự ý uống thuốc	6	
- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn	* 3+4+5 tuổi: - KN bảo vệ sức khỏe, an toàn: - Ứng phó khi bị mắc kẹt trong không gian kín(Phòng kho, lớp học...) - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Khi bị lạc, bị bắt cóc - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: NB 1 số tình huống và cách xử lí khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại...	1	
- Không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.			
- Không tự ý ra khỏi khu vực trường lớp khi không được phép của cô giáo. - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào.... - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Thực hành một số tình huống có nguy cơ mất an toàn			

78	3	Biết quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.
79	4	Biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo ?" ; " Vì sao lá cây bị ướt?
80	5	Biết thể hiện sự tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng : " Tại sao có mưa"
81	3	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Trẻ nhận biết gọi tên bằng Tiếng Việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, màu sắc, các thành viên, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...
82	4	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng nhưng kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm,... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. - Trẻ nhận biết, phân biệt nói tên, đặc điểm các từ, câu bằng Tiếng Việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, màu sắc, các thành viên, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...
83	5	- Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng nhưng sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả.... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - Trẻ nhận biết, phân biệt nói rõ ràng tên, đặc điểm các từ, câu bằng Tiếng Việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, màu sắc, các thành viên, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...
84	3	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.
85	4	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.

- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ: <i>Mùa hè mùa đông</i> - Nhận biết, kể tên bằng TV các mùa			
- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người: <i>Mùa xuân đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người ..</i> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.		8	
- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa: <i>Mùa xuân đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và thứ tự các mùa</i>			
- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. <i>Cơ thể của bé (Các bộ phận, các giác quan)</i> - Kể tên bằng tiếng việt các bộ phận, giác quan của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách thức sử dụng đồ dùng, đồ chơi: <i>Đồ chơi của lớp, Đồ dùng trong gia đình.</i> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc: <i>Một số loại thực phẩm; cây xanh, một số loại hoa, một số loại quả, một số loại rau. Vật nuôi trong gia đình, động vật sống trong rừng, một số động vật sống dưới nước.</i> - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt một số đồ vật của lớp, PTGT, con vật, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số ptgt quen thuộc. - Một số nguồn nước trong SH hàng ngày.	* 3+4+5 tuổi: - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát * 4 + 5 tuổi: - Kể tên và nói được đặc điểm bằng Tiếng Việt các bộ phận, giác quan của cơ thể. - Tên, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi bằng TV - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông bằng TV - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.	1,2, 3, 5, 6, 7, 8	
- Nói được các từ, câu chỉ đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người rõ ràng bằng Tiếng Việt.			
- Nói được các từ, câu chỉ đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả rõ ràng bằng Tiếng Việt.			
	* 3+4+5 tuổi: - Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng: - <i>Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô...</i>		

86	5	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ : Thử nghiệm gieo hạt / trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.
87	3	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.
88	4	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
89	5	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
90	3	Trẻ có khả năng phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật
91	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu
92	5	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
93	3	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi
94	4	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi: Ví dụ: " Cho thêm đường / muối / nên nước ngọt / mặn hơn" - <i>Biết một số thiên tai xảy ra ở Việt Nam và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai</i>
95		Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
96	5	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ. " Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi" - <i>Biết tên các loại thiên tai xảy ra ở Việt Nam và mối quan hệ giữa thiên tai và cuộc sống. Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao làm như vậy.</i>

- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Thực hành: Tạo màu cho cây cải thảo.	<i>Đánh dấu, gieo các loại hạt đậu, ngô...</i> - Trồng cây hoa ở góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây... - Thí nghiệm vật chìm, vật nổi - Trứng nổi, trứng chìm - Trẻ thực hành trải nghiệm làm một số thí nghiệm đơn giản như: Nước đổi màu, sữa ma thuật, đổi màu của nước	5, 6, 8	
	* 3+4+5 tuổi: - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện...	9	
- Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 2 - 3 dấu hiệu.		3, 5, 6, 7	
- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật cây gần gũi. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.	* 4+5 tuổi: - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.	5, 6, 8	
	- Cách chăm sóc BV con vật, cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	3, 5, 6, 8	
+ Giải quyết vấn đề đơn giản	- Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: Giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường. - Khu vực an toàn của trường học/nơi lánh nạn khi thiên tai.	7	
- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	* 3+4+5 tuổi: - Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai: - Động đất: ra chỗ đất chống...; Sắm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại... - Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống. - Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ	3, 5, 6, 8	

97		Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. - <i>Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao làm như vậy.</i>
98	3	Trẻ có khả năng mô tả được những dấu hiệu nổi bật của đối tượng quan sát với sự gợi mở của cô giáo.
99	4	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
100	5	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự giống và khác nhau của các đối tượng được quan sát.
101	3	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.
102	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.
103	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.
<i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>		
104	3	Biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
105	4	Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi : " Bao nhiêu ?" ; " Là số mấy ? "...
106	5	Biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi : " Bao nhiêu ? ; " Đây là mấy ?...

- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	<i>của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường.</i> - Mưa đá: Mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất... - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người.	7	
- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm		8	
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm		1, 3, 5, 6, 8	
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.		1, 3, 5, 6, 8	
	* 3+4+5 tuổi: - Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi các góc nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng... - Dự án: + Làm đèn lồng + Làm bưu thiếp tặng cô + Làm con vật bằng lá cây + Làm bánh chưng, bánh dày	1>9	
- Quan tâm đến số lượng và đếm, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng - 1 và nhiều		1	
- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Là số mấy?".			
- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Đây là số mấy?";...			

107	3	- Biết đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5. - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
108	4	- Biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
109		Biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.
110	5	- Biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
111		Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự
112	3	- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. - Biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.
113	4	- Biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.
114	5	- Biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm - Biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.
115	4	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
116	5	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
117	3	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại
118	4	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.
119		Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
120	5	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
121		Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp
122	3	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : To hơn/ nhỏ hơn ; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn ; bằng nhau.
123	4	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.

- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. '- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1, 2, 4, 5	
- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1, 2, 4, 5, 6, 7, 9	
- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5		1, 2, 4, 5	
- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		1, 2, 4, 5, 6, 7, 9	
- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10		5, 6, 7, 9	
	* 3+4 tuổi: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	3, 4, 5	
- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5		3, 4, 5	
- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm		3, 4, 5, 6, 7, 9	
	* 4+5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày(số nhà, biển số xe...)	3	
- Xếp xen kẽ	* 3+4 tuổi: - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi * 4+5 tuổi: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc	1,7	
		1,7	
- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan		1	
		7	
- Tạo ra quy tắc sắp xếp			
- So sánh hai đối tượng về kích thước			
- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo		6, 8	

124	5	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả
125	3	Nhận dạng và gọi tên các hình: Hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật
126	4	- Chỉ ra được các đặc điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản
127	5	Gọi tên và chỉ ra các đặc điểm giống nhau, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
128	3	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.
129	4	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.
130		Biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.
131	5	Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
132		Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.
c) Khám phá xã hội		
133	3	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
134	4	Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
135	5	Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.			
- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	* 4+5 tuổi: - Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	3, 4, 5	
- So sánh sự giống và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình CN			
- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.			
- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước, phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.		2, 3	
- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau - phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).		2, 3	
- Nhận biết các buổi : Sáng, trưa, chiều, tối		8	
- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.		2, 3	
- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.		8	
- Tên, tuổi, giới tính của bản thân		2	
- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân: <i>Phân biệt được bạn trai, bạn gái và bình đẳng giữa bạn trai và bạn gái.</i>			
- Họ tên, ngày sinh, giới tính, sở thích của bản thân, đặc điểm bên ngoài của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình: <i>Phân biệt được bạn trai, bạn gái và bình đẳng giữa bạn trai và bạn gái</i>			

136	3	- Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. - Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
137	4	- Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố / thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
138	5	- Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố / thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.
139	3	Nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
140	4	- Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện
141	5	- Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp, khi được hỏi, trò chuyện. - Nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
142	3	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng....khi được hỏi, xem tranh.
143	4	Kể tên công việc, công cụ, sản phẩm / ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
144	5	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ : nói " Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."
145	3	Kể tên một số lễ hội: Ngày 8/3...qua trò chuyện, tranh ảnh.
146	4	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.
147	5	Trẻ kể được tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội: Ví dụ nói: " Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 8/3..."

- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình - Địa chỉ gia đình			
- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu gia đình. - Địa chỉ gia đình, số nhà, bản, xã		3	
- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình gia (đình nhỏ, gia đình lớn) nhu cầu của gia đình. - Địa chỉ gia đình, số nhà, bản, xã, số điện thoại			
- Tên, địa chỉ của trường, lớp; Tên, công việc của cô nuôi dưỡng; Tên và đặc điểm của các bạn trong lớp			
- Nói được rõ ràng bằng tiếng việt tên, địa chỉ của trường lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Nói được rõ ràng bằng tiếng việt họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.		1	
- Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. - Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt công việc của các cô bác trong trường mầm non. - Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.			
- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	* 4+5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn....	4	
- Cờ tổ quốc, ngày lễ hội của địa phương: Ngày 8/3...	* 4+5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: Ngày hội đến trường của bé; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc Mông, ngày 8/3... ..	1, 4, 5, 6, 7	

148	3	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương
149	4	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương
150	5	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước
Điều chỉnh và bổ xung		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
a. Nghe hiểu lời nói		
151	3	Thực hiện được các yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy cho quả bóng ném vào rổ"
152	4	Thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: " cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"
153	5	Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ T đứng sau bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sau bên trái"
154	3	Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả,...
155	4	Hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, đồ gỗ,...
156	5	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...)
157	3	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại
158	4	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại
159	5	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại
160	3	<i>Biết nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</i>
161	4	<i>Biết nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</i>
162	5	<i>Biết nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</i>
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		

- Kể tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của địa phương	* 4+5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước: <i>Một vài cảnh đẹp quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ..</i> - <i>Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thi Hồ (Vừ A Sô); Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên; Đồi A1, Hàm đờ cát..</i>	9	
- Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thi Hồ (Vừ A Sô); Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: tượng đài chiến thắng Điện Biên; Đồi A1, Hàm đờ cát.			
- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh của địa phương			
- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước			
- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản		4	
- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu			
- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp			
- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.		3, 5, 6, 7	
- Hiểu các từ chỉ đặc tính, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm			
- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa			
- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại		6	
- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại			
- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại			
	* 3+4+5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1 -> 9	

163	3	Nói rõ các tiếng: <i>Trẻ nói được từ, câu tiếng việt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.</i>
164	4	Nói để người nghe có thể hiểu được: <i>Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.</i>
165	5	Kể được rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được: <i>Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.</i>
166	3	Sử dụng được các từ thông dụng, chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...
167	4	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm: <i>Sử dụng các từ tiếng Việt tên, tuổi, các giác quan, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè, quê hương, trường tiểu học...</i>
168	5	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm: <i>Sử dụng các từ tiếng Việt tên, tuổi, các giác quan, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè, quê hương, trường tiểu học...</i> phù hợp với ngữ cảnh
169	3	Sử dụng được các câu đơn, câu ghép
170	4	Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định
171	5	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...
172	3	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim..
173	4	Kể lại sự việc theo trình tự

- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?".			
- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó VD: Cái rổ, riu rít, đoàn kết... - Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?"; " Để làm gì?".		8	
- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.VD: Lo Lắng, lú lo... - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, "Tại sao?"; " Có gì giống nhau"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". - Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?";			
- Các từ tiếng Việt tên, tuổi, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè, quê hương, trường tiểu học...			
- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm: Các từ tiếng Việt tên, tuổi, các giác quan, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè, quê hương, trường tiểu học...		1->9	
- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm: Các từ tiếng Việt tên, tuổi, các giác quan, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè, quê hương, trường tiểu học ... phù hợp với ngữ cảnh.			
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng	* 4+5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của BĐKH theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên bị lũ lụt, sạt, lở đất	6, 8	
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép			
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau			
- Kể lại sự việc, sự kiện			
- Kể lại sự việc, sự kiện có nhiều tình tiết		9	

174	5	Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật
175	3	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...
176	4	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao,...
177	5	Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...
178	3	Kể truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn
179	4	Kể truyện có mở đầu kết thúc
180	5	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện trong nội dung chuyện
181	3	Bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện
182	4	Bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện
183	5	Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
184	3	Sử dụng các từ: " Vâng dạ"; "Dạ"; "Thưa";...trong giao tiếp
185	4	Sử dụng được các từ như: " Mời cô"; "Mời bạn"; "Cảm ơn"; "Xin lỗi"...trong giao tiếp
186	5	Sử dụng các từ: "cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"...phù hợp với tình huống
187	3	Nói đủ nghe, không nói lí nhí...
188	4	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc trẻ
189	5	Thực hiện điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh
c. Làm quen với việc đọc - viết		
190	3	Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh
191	4	Chọn sách để xem
192	5	Chọn sách để xem chọn sách để " đọc" và xem
193	3	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh

- Kể lại sự việc, <i>sự kiện</i> theo trình tự			
	*3+4+5 tuổi - Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.	1->9	
- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe		7	
- Kể lại truyện đã được nghe <i>dưới sự hướng dẫn.</i>			
- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.			
- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên	* 4+5 tuổi: - Đóng kịch	5	
	* 3+4 tuổi: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, <i>biết ơn</i>	1	
- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng			
	* 3+4+5 tuổi: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp <i>KN kiểm soát cảm xúc:</i> - <i>Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của bản thân</i>	2	
	*3+4+5 tuổi: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	7	
- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ			

194	4	Mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh
195	5	Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân
196	3	Thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc
197	4	Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh "đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt")
198		Sử dụng kí hiệu để "Viết": Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...
199	5	- Trẻ biết cách "Đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống, từ đầu sách đến cuối sách. - Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt. - Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
200	3	Nhận ra được ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm
201	4	Nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...
202	5	Nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông ...
Điều chỉnh và bổ xung		
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội		
203	3	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ.
204	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ.
205	5	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ địa chỉ nhà hoặc điện thoại. - Biết mình là con/cháu/ anh/ chị / em trong gia đình. - Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc làm vừa sức.
206	3	Trẻ có khả năng nói được điều bé thích, không thích.

- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh		8	
- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh			
- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và "Đọc" - Giữ gìn sách.	* 3+4+5 tuổi: - Làm quen với cách đọc viết tiếng việt - Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, dòng từ trên xuống dưới. - Hướng viết các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau dấu chấm.	1->9	
	* 4+5 tuổi: - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Giữ gìn bảo vệ sách. - Tập tô, tập đồ các nét chữ	1, 2, 3, 4	
- Trẻ nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt (Từ 10-15 chữ)			
- Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt: o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; l-m-n; g-y; h-k; p-q; s-x; v-r. - Tập tô các chữ cái: o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; l-m-n; g-y; h-k; p-q; s-x; v-r; - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình		1->9	
	* 3+4+5 tuổi: - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...)	7	
	* 3+4 tuổi: Tên, tuổi, giới tính, bố mẹ.		
- Tên, tuổi, giới tính, nói địa chỉ nơi ở của bản thân và gia đình. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)		2, 3	
- Những điều bé thích, không thích	* 4+5 tuổi: - Sở thích, khả năng của bản thân		

207	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được. - <i>Trẻ biết coi trọng bản thân.</i>
208	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. - <i>Trẻ biết coi trọng bản thân.</i> - Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)
209	3	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - <i>Trẻ biết khiêm tốn, giản dị, trung thực.</i>
210	4	Thể hiện sự tự tin, tự lực, <i>khiêm tốn, giản dị, trung thực</i> : - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Trẻ biết khiêm tốn, giản dị, trung thực.
211	5	Thể hiện sự tự tin, tự lực, <i>khiêm tốn, giản dị, trung thực</i> : - Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) - Trẻ biết khiêm tốn, giản dị, trung thực.
212	3	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
213	4	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)
214	5	Cố gắng hoàn thành công việc được giao
215	3	Nhận biết cảm xúc, thể hiện của bản thân: - Trẻ nhận ra được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. - Trẻ biết tự điều chỉnh được cảm xúc.
216	4	Trẻ có khả năng nhận biết cảm xúc, thể hiện và <i>kiểm soát cảm xúc của bản thân, chế ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm</i> với mọi người xung quanh: - Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Trẻ biết giải quyết tình huống và kiềm chế tức giận, hiểu, chấp nhận và đồng cảm với mọi người xung quanh.
217	5	Trẻ có khả năng nhận biết cảm xúc, thể hiện và <i>kiểm soát cảm xúc của bản thân, chế ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm</i> với mọi người xung quanh: - Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt cử chỉ, giọng nói của người khác. - Trẻ biết giải quyết tình huống và kiềm chế tức giận, hiểu, chấp nhận và đồng cảm với mọi người xung quanh.
218	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận
219	4	Biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên
220	5	Biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ

	- Tôn trọng cơ thể - Bảo vệ cơ thể không làm đau mình (đập đầu, bứt tóc, cắn, đưa dị vật vào những lỗ trên cơ thể...) - Tò mò về cơ thể - <i>Bình đẳng giới</i>	2	
- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác			
- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, tự tin khi trả lời câu hỏi	3+4+5 tuổi: - Ăn ở, nói năng nhẹ nhàng, đơn giản, không khoác lác khoe khoang. - Chấp nhận hiện tại và không làm mọi điều trở lên phức tạp. - Nói sự thật.	3	
- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, tự tin khi trả lời câu hỏi.			
- Chủ động và độc lập trong hoạt động			
- Thực hiện được một số công việc đơn giản trong một số hoạt động	* 3+4+5 tuổi: <i>KN giải quyết vấn đề</i> <i>- Cùng cô và các bạn lập kế hoạch và thực hiện công việc được phân công việc, phân công công việc</i>	4	
- Hoàn thành tốt một số công việc được giao, trực nhật và cất dọn đồ dùng, đồ chơi			
- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)			
- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - <i>Tự điều chỉnh được cảm xúc .</i>	* 4+5 tuổi: - Tự giải quyết tình huống và kiềm chế tức giận, hiểu, chấp nhận và đồng cảm với mọi người xung quanh.	2	
- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.			
- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.			
- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.		6	
- Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.			
- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm			

221	3	Biết yêu thương, người thân và bạn bè
222	4	Trẻ biết tôn trọng, yêu thương, quan tâm đến người thân và bạn bè
223	5	Trẻ biết an ủi và chia sẻ, <i>khoan dung</i> với người thân và bạn bè, <i>chấp nhận chính kiến của người khác</i> .
224	3	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Trẻ thích nghe kể truyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
225	4	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ - Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ
226	5	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở nơi làm việc...) - Thể hiện tình cảm với bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ
227	3	Trẻ nhận biết được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước
228	4	Trẻ biết được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước
229	5	Trẻ biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét đẹp văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước
230	3	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi, xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.
231	4	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn vâng lời ông bà, bố mẹ.
232	5	Thực hiện được một số quy định ở lớp gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
233	3	Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở
234	4	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép
235	5	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép

- Yêu mến bố, mẹ, anh chị em ruột. - Chơi hòa thuận với bạn, <i>hợp tác làm việc chung với nhau cùng hướng về mục tiêu chung.</i>	* 4+5 tuổi: - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	3, 8	
- Quan tâm, giúp đỡ bạn, <i>lắng nghe người khác nói.</i>			
- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn, <i>khoan dung, tôn trọng qua sự hiểu biết lẫn nhau, có kỹ năng kiểm soát tốt hành vi của bản thân .</i> - <i>Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.</i>			
- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	* 3+ 4+5 tuổi: - Kính Yêu Bác Hồ	9	
- Xem và nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.			
- Xem và nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)			
- Quan tâm đến cảnh đẹp lễ hội của quê hương đất nước. <i>Ngày hội đến trường; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán;tết dân tộc Mông, ...</i>	* 4+5 tuổi: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <i>Ngày hội đến trường; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc Mông, ...</i> - <i>Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: Đồi A1, Hầm đờ cát, đài tưởng niệm...</i> *3+4+5 tuổi: - <i>Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thị Hồ; Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên.</i>	1, 4, 6, 9	
- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)	* 4 + 5 tuổi: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ: Trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường) * 3+4+5 tuổi: - <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i>	1, 3	
- Cử chỉ, lời nói, lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	* 3+4+5 tuổi - <i>Biết đón khách đến chơi nhà trong dịp tết, đến nhà người khác biết chào hỏi</i> - <i>Nhận quà/ lì xì ngày tết</i>	6	
- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.			
- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự			

236	3	- Biết chú ý nghe khi cô, bạn nói - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm
237	4	- Biết chú ý nghe khi cô, bạn nói - Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở
238	5	- Biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác - Biết chờ đến lượt
239	3	Nhận biết hành vi " đúng" - "sai", " tốt"- "xấu"
240	4	Biết phân biệt hành vi "đúng"- "sai", "tốt " - "xấu"
241	5	Biết nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" "sai" "tốt " , "xấu"
242	4	Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật..)
243	5	- Biết lắng nghe ý kiến trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn - Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)
244	3	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây Biết giữ gìn bảo vệ môi trường
245	4	- Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc - Không bẻ cành, bứt hoa.
246	5	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc - Biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa)
247	3	Biết bỏ rác đúng nơi quy định Biết sử dụng tiết kiệm điện, nước khi được nhắc nhở
248	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định Không để tràn nước khi rửa tay tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng
249	5	Biết bỏ rác đúng nơi quy định Biết thực hiện tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
Điều chỉnh và bổ xung		

- Lắng nghe, trật tự khi cô nói, bạn nói - Chơi hòa thuận với bạn, chờ đến lượt		4	
- Lắng nghe ý kiến của người khác. - Chờ đến lượt, hợp tác			
- Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời người khác khi đang nói. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận			
- Nhận biết hành vi " đúng" - "sai", " tốt"- "xấu"		7	
- Phân biệt hành vi "đúng"- "sai", "tốt " - "xấu"			
- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" "sai" "tốt " , "xấu"			
- Trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động, cùng bạn chơi, cùng bạn tham gia trực nhật		8	
- Tôn trọng lắng nghe ý kiến, và trao đổi ý kiến thỏa thuận với các bạn trong lớp - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến - Trê dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn			
	* 3 + 4+ 5 tuổi: - Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.	5, 6	
	* 3+4+ 5 tuổi: - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện, nước	8	

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
250	3	Vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng
251	4	Vui sướng vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng
252	5	Tán thưởng tự khám phá bắt trước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.
253	3	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện,
254	4	Chú ý nghe thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
255	5	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) phù hợp theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ. Thích nghe và kể câu chuyện.
256	3	Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
257	4	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
258	5	Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
259	3	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc
260	4	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, ...
261	5	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ...

- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh, gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		8	
- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe các âm thanh, gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật			
- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.			
- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca), hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bản nhạc, thích nghe đọc thơ, kể truyện, ca dao, đồng dao		7	
- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)			
- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết của các bài hát, bản nhạc)			
	* 3+ 4 tuổi: Thích thú reo lên và vỗ tay vui sướng khi được quan sát ngắm nhìn và nói lên cảm nhận về các tác phẩm tạo hình	9	
- Ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.			
- Hát đúng giai điệu lời bài hát	* 4- 5 tuổi: + Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9	

262	3	Biết vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo nhịp, vận động minh họa)
263	4	Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)
264	5	Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)
265	3	Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý
266	4	Phối hợp các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm
267	5	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm
268	3	Biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản
269	4	Biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục
270	5	Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối
271	3	- Biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản - Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
272	4	- Biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có hình dáng, màu sắc khác nhau
273	5	- Biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
274	3	Lăn dọc xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một hoặc hai khối

- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp			
- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp tiết tấu.		1-> 9	
- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp tiết tấu.			
- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.			
- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		1, 4, 7, 8	
- Lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.			
- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm đơn giản			
- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		2, 3, 5, 9	
- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục cân đối.			
- Sử dụng một số kỹ năng xé, dán để tạo thành sản phẩm đơn giản. - Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm đơn giản			
- Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé, dán để tạo thành sản phẩm có màu sắc kích thước hình dáng/ đường nét - Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét		1, 4, 5, 6, 7, 8	
- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét và bố cục			
- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm đơn giản			

275	4	Làm lõm, lỗ bẹp, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết
276	5	Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối
277	3	Nhận xét các sản phẩm tạo hình
278	4	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc đường nét, hình dáng
279	5	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng, bố cục
280	3	Biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc
281	4	Biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc Biết lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
282	5	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động hát ra các bản nhạc, bài hát yêu thích. Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
283	3	- Biết tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích - Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình
284	4	- Biết tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình
285	5	- Tìm, kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra các sản phẩm theo ý thích. - Biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình
Điều chỉnh và bổ xung		

- Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét		3, 4, 6, 9	
- Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có kích thước hài hòa bố cục cân đối hòa,bố cục cân đối.			
- Nhận xét sản phẩm tạo hình		9	
- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét			
- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng - đường nét và bố cục			
- Vận động theo ý thích khi hát / nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc		9	
- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.			
- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát			
- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích			
- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)			
- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích			
	* 4+ 5 tuổi: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích * 3+ 4+ 5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của mình	4, 7, 8	

Giáo viên

Tổ chuyên môn duyệt

Nhà trường duyệt

Quàng Thị Thủy

Cà Thị Loan

Lã Thị Thanh Thủy